

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 148 /QĐ-CTHADS

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020
của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và các đơn vị
dự toán trực thuộc**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020 số 315/TB-TCTHADS ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và các đơn vị dự toán trực thuộc (theo biểu số 04 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Thủ trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Cục Thi hành án dân sự và các đơn vị dự toán trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục THADS (để b/c);
- Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TCKT.

CỤC TRƯỞNG



Vũ Quang Hiện

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp
Chương: 014

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Kiểm theo Quyết định số 148 /QĐ-CTHADS ngày 28/04/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp
(Đang chờ đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)



DV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số hiệu báo cáo quyết toán	Tổng số hiệu quyết toán được duyệt	Chiánh lệch	Số quyết toán được duyệt (Cục THADS)	Số quyết toán được duyệt (TP. Cao Lãnh)	Số quyết toán được duyệt (H. Tân Hồng)	Số quyết toán được duyệt (TP. Hồng Ngự)	Số quyết toán được duyệt (H. Hồng Ngự)	Số quyết toán được duyệt (H. Tháp Mười)	Số quyết toán được duyệt (H. Cao Lãnh)	Số quyết toán được duyệt (H. Tháp Mười)	Số quyết toán được duyệt (H. Châu Thành)	Số quyết toán được duyệt (H. Lai Vung)	Số quyết toán được duyệt (H. Lấp Vò)	Số quyết toán được duyệt (TP. Sa Đéc)	
1	Quyết toán thu, chi, nộp NS	3	4	5=4-3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	phí, lệ phí																
I	Số thu phí, lệ phí	4.471	4.471		451	340	242	203	209	337	239	479	351	218	604	216	583
I	Phí THADS	4.471	4.471		451	340	242	203	209	337	239	479	351	218	604	216	583
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	3.667	3.667		338	190	153	142	127	671	147	727	212	130	340	133	355
I	Chi quản lý hành chính	3.667	3.667		338	190	153	142	127	671	147	727	212	130	340	133	355
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.601	3.601		334	181	150	139	127	667	143	720	207	125	334	129	346
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	67	67		4	9	3	4		5	5	7	5	5	6	5	10
B	Quyết toán chi NSNN																
I	Nguồn ngân sách trong nước	32.394	32.394		7.621	2.745	1.602	1.396	1.372	1.566	1.903	2.736	2.177	2.098	2.803	1.888	2.489
I	Chi quản lý hành chính	32.257	32.257		7.484	2.745	1.602	1.396	1.372	1.566	1.903	2.736	2.177	2.098	2.803	1.888	2.489
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	28.798	28.798		5.933	2.672	1.539	1.253	1.259	1.530	1.828	2.567	2.002	1.937	2.210	1.749	2.319
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.459	3.459		1.551	74	64	142	112	36	75	169	174	160	593	139	170
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	137	137			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0														
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	137	137		137												

124